

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MH
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2022

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MH - TỈNH HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thu Hiền

Bà Đặng Thị Tuyết Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2022/TLST - HNGĐ ngày 06/7/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Đặng Thu P, sinh năm 1984 (có mặt)

* Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Phạm Quang Tr, sinh ngày 02/10/2004 (vắng mặt)

+ Cháu Phạm Văn Q, sinh ngày 12/9/2008 (vắng mặt)

+ Cháu Phạm Ngọc Q2, sinh ngày 11/4/2015 (vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật của cháu Tr, cháu Q2:

+ Chị Đặng Thu P, sinh năm 1984 (có mặt)

Đại diện theo pháp luật của cháu Q:

+ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố S, phường M, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên

* Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường M, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Đặng Thu P tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là Ủy ban nhân dân phường M) năm 2004. Vợ chồng sống cùng nhau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế nên kinh tế của vợ chồng có nhiều khó khăn; anh T mãi chơi không quan tâm tới chị, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau. Từ đầu năm 2022 vợ chồng anh chị tuy sống cùng nhà nhưng việc của ai người đó làm

không quan tâm tới nhau. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên chị làm đơn ly hôn anh T đồng thời chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị từ đầu tháng 7/2022. Kể từ đó chị và anh T không còn chung sống cùng nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị không hàn gắn được, anh chị không thể về chung sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Quang Tr, sinh ngày 02/10/2004; cháu Phạm Văn Q, sinh ngày 12/9/2008; cháu Phạm Ngọc Q2, sinh ngày 11/4/2015. Hiện nay chị không có thai. Cháu Tr bị thiếu năng trí tuệ từ khi sinh ra, cháu không đọc, không nói được; bản thân cháu không tự chăm sóc được bản thân và hiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng của Ủy ban nhân dân thị xã MH (khuyết tật nghe nói). Chị xác định cháu Tr và cháu Q2 rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi hai cháu; anh T nuôi cháu Q. Do anh chị đều nuôi con nên chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị xác định hiện nay chị làm nghề bán hàng thịt tại chợ tổ dân phố S, thời gian bán hàng sáng từ 07 giờ đến 11 giờ; chiều từ 16 giờ đến khoảng 18 giờ; thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/tháng; chị không thể cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án về thu nhập được. Ngoài ra, chị sống tại nhà đất của bố mẹ đẻ chị ở tổ dân phố S, phường M; chị cũng đã trao đổi với bố mẹ chị về việc ly hôn và nuôi con; bố mẹ chị sẽ tạo mọi điều kiện để chị có thể nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Chị và anh T không nợ ai, không cho ai vay nợ nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về ruộng nông nghiệp: Chị không có ruộng nông nghiệp nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức: Vợ chồng chị không có công sức với hai bên gia đình nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, anh T xác định: Anh và chị P là vợ chồng và được Ủy ban nhân dân xã M (Nay là phường M) cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2004 như lời khai của chị P là đúng. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh mãi chơi chưa quan tâm tới chị P dẫn đến chị P bức xúc bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và làm đơn ly hôn anh. Kể từ sau khi chị P làm đơn ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con nên đã nhiều lần gặp chị P để trao đổi nhưng chị P không nghe, cương quyết ly hôn đồng thời chặn liên lạc với anh. Đến nay anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị P không đồng ý quay về chung sống cùng anh. Từ ngày chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng anh sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Trong trường hợp chị P cương quyết xin ly hôn, anh xác định "giữ người ở chứ không giữ người đi" nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị P.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung như lời khai của chị P là cháu Phạm Quang Tr, sinh ngày 02/10/2004; cháu Phạm Văn Q, sinh ngày 12/9/2008; cháu Phạm Ngọc Q2, sinh ngày 11/4/2015. Anh nhất trí với quan điểm của chị P về việc anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q đến khi cháu Q thành niên, anh

tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung; chị P chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tr và cháu Q2 đến khi cháu Tr và cháu Q2 thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con với chị P, anh xác định nếu chị P không yêu cầu hay có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con anh đều đồng ý. Anh xác định hiện nay anh làm lao động tự do, thu nhập 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/01tháng; do anh làm tự do nên tài liệu chứng cứ về thu nhập anh không thể cung cấp tài liệu cho Tòa án được. Anh xác định mọi yêu cầu của chị P đối với anh, anh đều đồng ý. Trường hợp sau này nếu chị P đi lấy chồng hoặc đi nước ngoài anh sẽ yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con sau. Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng anh không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ: Anh chị không nợ ai, không cho ai vay nợ nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về ruộng nông nghiệp, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức: Vợ chồng anh không có công sức với hai bên gia đình nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Tr nhưng không thành do cháu Tr bị khuyết tật nghe, nói. Tại biên bản lấy lời khai của cháu Q, cháu Q2 thể hiện: Cháu Q có nguyện vọng ở với anh T, cháu Q2 có nguyện vọng ở với chị P. Cháu Q, cháu Q2 đều xác định không liên quan gì đến kinh tế của anh T, chị P nên hai cháu tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này Tòa án đưa vụ án ra xét xử hai cháu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị B (là mẹ đẻ chị P) trình bày: Bà xác nhận chị P và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2004. Quá trình sinh sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T mãi chơi, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế nên kinh tế của vợ chồng có nhiều khó khăn. Chị P đã nhiều lần trao đổi với bà về việc làm đơn ly hôn anh T nhưng bà và gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đầu tháng 7/2022, chị P bỏ về nhà bà sinh sống, chị P có tâm sự với bà là không thể sống cùng anh T được nữa nên làm đơn ly hôn. Kể từ đó anh chị sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà và gia đình tiếp tục hòa giải để anh chị hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng vợ chồng anh chị không cải thiện được tình cảm, chị P cương quyết không quay về chung sống cùng anh T, anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị P làm đơn ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị P để anh chị sớm ổn định cuộc sống. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được chăm sóc cháu Tr và cháu Q2 do hiện nay cháu Tr là người khuyết tật, phát triển không bình thường; cháu Q2 còn nhỏ; cả hai cháu đều cần sự chăm sóc của người mẹ; bà cam kết sẽ tạo điều kiện cho chị P về nơi ăn ở để nuôi con và sẽ có trách nhiệm cùng chị P chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu. Bà xác định không liên quan gì đến vợ chồng chị P về kinh tế, bà không cho anh, chị vay cũng như không nợ anh chị nên bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án đã triệu tập anh T đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận chứng cứ công khai chứng cứ và hòa giải; anh T mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do vậy phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Tr, cháu Q, cháu Q2; hiện nay chị không có thai. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr và cháu Q2 đến khi hai cháu thành niên, anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q đến khi thành niên; chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, nợ, ruộng nông nghiệp, công sức chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH trình bày quan điểm: Toà án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh T. Giao cháu Tr cho chị P chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình; giao cháu Q2 cho chị P chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên; giao cháu Q cho anh T chăm sóc đến khi thành niên; ghi nhận sự tự nguyện của anh chị về việc anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, nợ, ruộng, công sức do chị P, anh T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Chị P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn là chị Đặng Thu P và anh Phạm Văn T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Chị P khởi kiện xin ly hôn anh T, anh T có nơi cư trú tại tổ dân phố S, phường M, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã MH theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của nguyên đơn là chị P, bị đơn là anh T cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã phù hợp với nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân phường M, nên có đủ căn cứ xác định anh T, chị P đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là Ủy ban nhân dân phường M) năm 2004 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, chị P khởi kiện ly hôn đối với anh T sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục ly hôn.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thì thấy: Chị P, anh T là vợ chồng, có thời gian chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 7 năm 2022 thì sống ly thân nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, kinh tế của vợ chồng khó khăn, anh T mãi chơi chưa quan tâm tới chị P nên vợ chồng xảy ra xô xát. Anh T nhiều lần trao đổi với chị P, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ

nhưng chị P cương quyết ly hôn và chặn liên lạc với anh. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có quan điểm "giữ người ở chứ không giữ người đi", anh đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị P; bản thân chị P xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, anh chị không thể về chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án tạo điều kiện để anh chị hòa giải hàn gắn hạnh phúc tuy nhiên anh T không đưa ra được phương án hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, không đến tham gia phiên hòa giải và đề nghị giải quyết theo yêu cầu của chị P, mặt khác anh chị đã được gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không thành và chị P cương quyết đề nghị được ly hôn thể hiện tình trạng hôn nhân giữa anh chị mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên sẽ giải quyết cho chị P và anh T ly hôn là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích của anh chị.

[2.2]. Về con chung: Chị P, anh T có 03 con chung là cháu Phạm Quang Tr, sinh ngày 02/10/2004; cháu Phạm Văn Q, sinh năm 12/9/2008; cháu Phạm Ngọc Q2, sinh năm 11/4/2015. Cháu Tr bị khuyết tật, không giao tiếp, không tự chủ hoàn toàn được sinh hoạt và hiện cháu được hưởng trợ cấp dạng khuyết tật nghe, nói, mức độ khuyết tật nặng theo Quyết định về việc điều chỉnh trợ cấp xã hội số 3485/QĐ - CTUBND ngày 30/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã MH. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Tr nhưng không lấy được lời khai của cháu do cháu là đối tượng khuyết tật; anh T, chị P đều đề nghị Tòa án giải quyết chị P chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr và cháu Q2 đến khi thành niên, anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q đến khi thành niên; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị thì thấy thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu Q2, cháu Q cũng như việc chăm sóc cháu Tr là người khuyết tật và anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi con nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với cháu Tr, do cháu là đối tượng khuyết tật nên chị P phải có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, chị P, anh T đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thu P được ly hôn anh Phạm Văn T.

[2]. Về con chung: Giao cháu Phạm Quang Tr, sinh ngày 02/10/2004 cho chị Đặng Thu P chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Tr thành niên (đủ 18 tuổi), có khả

năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình. Giao cháu Phạm Ngọc Q2, sinh ngày 11/4/2015 cho chị Đặng Thu P chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Q2 thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cháu Phạm Văn Quyết, sinh năm 12/9/2008 cho anh Phạm Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Quyết thành niên (đủ 18 tuổi)

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T, chị P có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh T, chị P thực hiện quyền này.

Anh T, chị P có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

[3]. Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không phải giải quyết.

[4]. Án phí: Chị Đặng Thu P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013124 ngày 06/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã MH. Chị P đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã MH;
- Phòng KTNV & THS TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã MH;
- Dương sự;
- UBND phường M;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

NGUYỄN THỊ OANH